TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số : 1042/2019/HNGĐ-ST
Ngày : 15/10/2019
V/v : "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Phạm Thị Minh Thảo
Các Hội thẩm nhân dân : 1/- Ông Hoàng Văn Định
2/- Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

Thư ký phiên tòa : Ông Lê Anh Quân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện VKSND Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa :
Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 519/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 252/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự :

Nguyên đơn : Ông Bùi Nguyên K sinh năm 19xx.
Địa chỉ : 111/222 đường M, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

Bị đơn : Bà Ngô Thị Thu N sinh năm 19xx.
Địa chỉ : 111/222 đường M, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 08/5/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Bùi Nguyên K trình bày : Ông và bà Ngô Thị Thu N tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y, Thành Phố Hồ Chí Minh vào năm 1994. Quá trình chung sống có hai con chung tên Bùi Nguyên K. A sinh ngày dd/mm/yyyy và Bùi Nguyên K. Â sinh ngày dd/mm/yyyy. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do khác biệt về tính cách, không phù hợp quan điểm sống, cách sống, bất đồng ý kiến. Hai bên đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, ông và bà N không còn sống chung từ năm 2010 đến nay. Ông xác nhận vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với bà N

Về con chung: Bùi Nguyên K .A sinh ngày dd/mm/yyyy đã trưởng thành. Ông đồng ý giao con chung là Bùi Nguyên K. Â sinh ngày dd/mm/yyyy cho bà N trực tiếp giữ nuôi, việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 08/7/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Ngô Thị Thu N trình bày: bà và ông Bùi Nguyên K tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y, Thành Phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống có hai con chung tên Bùi Nguyên K An sinh ngày 26/10/1998 và Bùi Nguyên K Ân sinh ngày 17/12/2001. Thời gian đầu vợ chồng sống có hạnh phúc đến năm 2010 ông K bỏ đi, không quan tâm lo lắng gì đến vợ con, theo bà thì ông K có tình cảm với người phụ nữ khác nên mới có sự việc ông bỏ đi từ đó đến nay. Tình cảm của bà đối với ông K không còn nhưng do bà nghĩ đến các con nên không muốn ly hôn với ông K. Từ khi ông K bỏ đi đến nay không phụ giúp bà về kinh tế để nuôi con, nay ông K yêu cầu ly hôn thì bà cũng đồng ý với điều kiện ông K phải đưa cho bà số tiền 200.000.000 đồng để bà lo cho các con ăn học sau này, bà xác nhận khoản tiền này không phải là tiền cấp dưỡng, bà chỉ nêu yêu cầu tùy tòa án giải quyết theo qui định pháp luật, bà không đồng ý làm đơn và đóng tạm ứng án phí đối với yêu cầu này. Trường hợp ông K không hỗ trợ bà khoản tiền trên thì bà không đồng ý ly hôn. Hiện bà có vay ngân hàng 300.000.000 đồng nhưng đây là khoản nợ riêng của bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về con chung: Bùi Nguyên K An sinh ngày 26/10/1998 đã trưởng thành. Bà yêu cầu được trực tiếp giữ nuôi con chung là Bùi Nguyên K Ân sinh ngày 17/12/2001, yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/1 tháng.

Về tài sản chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay :

Nguyên đơn ông Bùi Nguyên K yêu cầu ly hôn; về con chung Bùi Nguyên K An sinh ngày 26/10/1998 đã trưởng thành. Ông đồng ý giao cho bà N trực tiếp giữ nuôi con chung là Bùi Nguyên K Ân sinh ngày 17/12/2001, đồng ý cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/1 tháng; không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Bị đơn bà Ngô Thị Thu N không đồng ý ly hôn; về con chung bà đồng ý giữ nuôi con chung là Bùi Nguyên K Ân sinh ngày 17/12/2001 yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/1 tháng; không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến : Quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng qui định của pháp luật; Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1]. *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thủ tục tố tụng :*

Nguyên đơn ông Bùi Nguyên K yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Ngô Thị Thu N có nơi cư trú và hiện đang sinh sống tại Quận 3, do đó căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

[2]. *Xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy :*

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 156, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y, Thành Phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 14/12/1994 thể hiện quan hệ hôn nhân giữa ông Bùi Nguyên K và bà Ngô Thị Thu N là hợp pháp.

[2.1]. *Xét yêu cầu ly hôn :*

- Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Bùi Nguyên K và bà Ngô Thị Thu N cùng xác nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, ông K đã dọn ra ngoài sống từ năm 2010 đến nay hai bên không thể hòa giải để hàn gắn hạnh phúc, vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng.

- Căn cứ kết quả xác minh tại Công an Phường X, Quận Y thì hiện ông K và bà N không chung sống với nhau, tuy việc ông K bà N có xảy ra mâu thuẫn hay không địa phương không nắm rõ nhưng cả ông K và bà N đều xác nhận vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, hai bên đã sống ly thân và không có khả năng hàn gắn là phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án.

- Từ năm 2010 đến nay ông K, bà N sống ly thân chứng tỏ vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

Từ những nhận định trên, xét mâu thuẫn giữa ông K và bà N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông K.

[2.2]. Về con chung : Bùi Nguyên K An sinh ngày 26/10/1998 (đã trưởng thành). Hai bên thỏa thuận giao cho bà N trực tiếp giữ nuôi con chung là Bùi Nguyên K Ân sinh ngày 17/12/2001, ông K cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/1 tháng; thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3].Về tài sản : các đương sự không tranh chấp về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Đối với yêu cầu buộc ông K phải đưa khoản tiền 200.000.000 đồng bà N đã được Tòa án giải thích nhưng bà N xác nhận không phải là khoản tiền yêu cầu cấp dưỡng và không đồng ý làm đơn yêu cầu, không đồng ý đóng tạm ứng án phí nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này.

[2.4]. Về án phí : căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban

hành kèm theo) thì ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Tổng cộng 600.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự;

- Áp dụng Điều 357 Bộ Luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Bùi Nguyên K.

- *Về quan hệ hôn nhân :* ông Bùi Nguyên K được ly hôn với bà Ngô Thị Thu N.

- *Về con chung :* Bùi Nguyên K A sinh ngày dd/mm/yyyy (đã trưởng thành). Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc giao con chung là Bùi Nguyên K. Â sinh ngày dd/mm/yyyy cho bà N trực tiếp giữ nuôi ông K cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/1 tháng. Thực hiện từ tháng 10/2019 cho đến khi con thành niên.

Ông K được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi giữ hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông K không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng ông K còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

- *Về tài sản :* không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về án phí : ông Bùi Nguyên K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng. Tổng cộng 600.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014209 ngày 08/5/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3. Ông K còn phải nộp 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo :

Ông Bùi Nguyên K và bà Ngô Thị Thu N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :
- *TAND Tp. Hồ Chí Minh;*
- *VKSND Quận 3;*
- *Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Minh Thảo